

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Tân Thịnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lại và ông Hoàng Văn Tấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Q**, sinh năm 1994; (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc Q1**, sinh năm 1987; (có mặt)

Cùng địa chỉ: **Thôn V, xã V, huyện V (nay là TDP V, phường V, thị xã V), tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị **Phùng Thị Q** trình bày:* Chị kết hôn với anh **Nguyễn Ngọc Q1** trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới tháng 11 năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã V (nay là phường V), thị xã V**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, đến nay vợ chồng có 3 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn được thời gian rất ngắn thì cuộc sống vợ chồng chị không mấy hoà thuận, nguyên nhân là do chị chưa muốn kết hôn mà chị

cần thêm thời gian để tìm hiểu kỹ hơn nhưng vì chị có thai ngoài ý muốn, quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân chính là do anh Q1 không trí thú làm ăn, không thu vén kinh tế gia đình, không hề quan tâm đến mẹ con chị, thời gian chung sống chủ yếu là sinh nở và nuôi dạy 3 con, hơn nữa kinh tế quá khó khăn nên mâu thuẫn càng trở nên gay gắt, sau này chị đi làm cũng chỉ chọn làm ca ngày không làm ca đêm để có thời gian chăm sóc con nhỏ nên lương cũng chỉ đủ để trang trải cho các con ăn học. Tuy nhiên anh Q1 đã không đi làm lại mặc kệ để chị lo toan mọi sinh hoạt trong gia đình, đã vậy lại còn hay mắng chửi chị, thậm trí còn đánh chị. Do không cam chịu được thêm nữa nên đến tháng 11 năm 2023 chị đã thuê nhà sống ly thân từ đó đến nay. Kể từ khi ly thân vợ chồng cùng hai bên gia đình cũng không gặp gỡ hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc về đoàn tụ là không thể, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày: 26/4/2016, cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 10/01/2020 và cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 06/3/2022, khi ly thân chị có đưa cháu Nguyễn Kim N và cháu Nguyễn Đức K về nhà để chơi 02 tháng sau anh Q1 đến đón về sống với anh Q1 và ông bà nội, khi chị đến thăm con thì cản trở không cho thăm. Nay ly hôn chị có nguyện nuôi cả 3 con, nếu không được thì xin được nuôi hai cháu nhỏ, vì thực tế anh Q1 không thể nuôi dưỡng được 3 con cũng như hay đánh các cháu làm các cháu rất sợ anh Q1.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu được nuôi các con chị không yêu cầu anh Q1 phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị đi làm công nhân đủ để trang trải cho các cháu ăn học bảo đảm cuộc sống bình thường cho các cháu.

- Tài sản chung, Vợ chồng không có gì vướng mắc, nay ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất nông nghiệp, công sức: không có gì vướng mắc nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Q không có yêu cầu đề nghị nào khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q1 trình bày: Anh và chị Phùng Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới tháng 11 năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thị xã V. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận và sống chung cùng gia đình chồng, đến nay vợ chồng có 3 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hoà thuận không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, tuy nhiên do từ cuối năm 2023 anh thất nghiệp nên ở nhà và có tư tưởng chán nản, đã vậy không có thu nhập nên vợ chồng có bất đồng quan điểm sống, về cách cư xử, ứng xử cũng như giữa chị Q và bố chồng, xong anh nghĩ chỉ là những xích mích nhỏ trong sinh hoạt cuộc sống thường ngày, hơn nữa do kinh tế quá khó khăn nên là một trong nguyên nhân xảy ra bất hoà, có lúc do tính nóng anh cũng có những lời lẽ xúc phạm chị Q và chị Q đã bỏ ra ngoài thuê nhà sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Sau khi ly thân vợ chồng cùng hai bên gia đình cũng không gặp gỡ hàn gắn hòa giải để đoàn tụ vì giữa hai bên thông gia không có tiếng nói chung. Nay anh xác định tình cảm của anh đối với chị Q vẫn còn, do vậy anh đề nghị Toà án tạo điều kiện về mặt thời gian để anh hàn gắn tình cảm bằng phương pháp lấy lại niềm tin để chị Q về sống đoàn tụ. Nếu chị Q kiên quyết ly hôn anh đành chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày: 26/4/2016, cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 10/01/2020 và cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 06/3/2022, kể từ khi ly thân các cháu sống với anh và ông bà nội. Nay ly hôn anh có nguyện nuôi cả 3 con, nếu chị Q có nguyện vọng nuôi con, anh không đồng ý vì gia đình chị Q ở huyện H, tỉnh Lạng Sơn vùng khó khăn sẽ không tốt bằng để anh nuôi các cháu, hơn nữa các cháu sống với anh và ông bà nội từ nhỏ quen rồi. Nếu chị Q kiên quyết muốn nuôi con, anh đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu được nuôi các con anh không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, Vợ chồng không có gì vướng mắc, nay ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất nông nghiệp, công sức: Không có gì vướng mắc nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Q1 không có yêu cầu đề nghị nào khác.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Phùng Thị Q, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q1 giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phùng Thị Q**, cho Chị **Q** được ly hôn anh **Nguyễn Ngọc Q1**.

Về con chung: Giao cho chị **Phùng Thị Q** trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu **Nguyễn Đức K**, sinh ngày 06/3/2022. Anh **Nguyễn Ngọc Q1** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu **Nguyễn Thành C**, sinh ngày: 26/4/2016 và **Nguyễn Kim N**, sinh ngày 10/01/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, ruộng đất, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị **Phùng Thị Q** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Phùng Thị Q** làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh **Nguyễn Ngọc Q1**. Chị **Q** khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Việt Yên nơi bị đơn cư trú giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **Q** khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Q1**, yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phùng Thị Q** và anh **Nguyễn Ngọc Q1** đăng ký kết hôn tháng 11/2015 tại **UBND xã V, huyện V (nay là phường V, thị xã V), tỉnh Bắc Giang** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nên xác định hôn nhân giữa chị **Phùng Thị Q** và anh **Nguyễn Ngọc Q1** là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị **Phùng Thị Q** và anh **Nguyễn Ngọc Q1** đều xác định trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống cũng như trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không còn niềm tin ở nhau, dẫn đến không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bởi vậy vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay, kể từ khi ly thân, vợ chồng cũng như hai bên gia đình thông gia không hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù anh **Q1** không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm nào khác mà đưa ra lý do con còn nhỏ và đề nghị tạo điều kiện về mặt thời gian để anh thuyết phục, hoà giải, xong anh **Q1** lại khai kể từ khi ly thân (tháng 11/2023 đến nay) anh **Q1**, chị **Q** không hàn gắn tháo gỡ để vợ chồng về sống đoàn tụ. Do đó, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống chung cũng không thể có hạnh phúc. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị **Phùng Thị Q** được ly hôn anh **Nguyễn Ngọc Q1** là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị **Phùng Thị Q** và anh **Nguyễn Ngọc Q1** xác nhận vợ chồng có 03 con là cháu **Nguyễn Thành C**, sinh ngày: 26/4/2016, cháu **Nguyễn Kim N**, sinh ngày 10/01/2020 và cháu **Nguyễn Đức K**, sinh ngày 06/3/2022. Sau khi ly thân các cháu chủ yếu sống cùng anh **Q1**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Phùng Thị Q** anh **Nguyễn Ngọc Q1** không thể thoả thuận được với nhau về trách nhiệm nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng các con, do vậy dựa vào quyền lợi của các con để quyết định giao con cho bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về điều kiện nuôi con: Anh **Q1** hiện tại sống chung cùng bố đẻ tại **TDP V, phường V** nên có sự hỗ trợ trong việc đưa đón các cháu đi học. Chị **Phùng Thị Q** hiện tại thuê nhà trọ ở ổn định từ khi ly thân tại **TDP V, phường V**. Mức thu nhập bình quân do chị **Q** cung cấp thì hàng tháng chị đi làm công nhân thu nhập ổn định từ 7.500.000đ- 8000.000đ. Anh **Q1** khai thu nhập bình quân của anh đi làm công nhân là 15.000.000đ/tháng nhưng không có xác nhận của nơi anh làm việc.

Sau khi xem xét cũng như xác minh thực tế ở địa phương về điều kiện nuôi con của chị **Phùng Thị Q** anh **Nguyễn Ngọc Q1** thì thấy: Chị **Phùng Thị Q**

anh Nguyễn Ngọc Q1 đều có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Đối với anh Nguyễn Ngọc Q1, mặc dù đang sống chung cùng bố đẻ nên có sự hỗ trợ trong việc đưa đón các cháu đi học, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy: Nếu tiếp tục giao cả 3 cháu cho anh Q1 hay chị Q trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ không thể có được môi trường thuận lợi nhất cho sự phát triển của cháu và có đủ các điều kiện đảm bảo cả về vật chất lẫn tinh thần đáp ứng cho yêu cầu phát triển bình thường của các cháu, mặc dù anh Q1 đang sống chung cùng bố đẻ và có sự hỗ trợ trong việc đưa đón các cháu đi học, chị Q đang ở trọ. Mặc dù tại Toà án cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày: 26/4/2016 có nguyện vọng sống cùng mẹ (chị Q) nhưng như đã phân tích ở trên không thể giao cả 3 cháu cho một bên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng được. Tại phiên toà, chị Phùng Thị Q có giao nộp hình ảnh bằng bản ảnh của cháu Nguyễn Kim N bị bầm tím chân tay là do bố là anh Nguyễn Ngọc Q1 đánh và được anh Nguyễn Ngọc Q1 thừa nhận, hơn nữa gia đình chị hiện nay có mình chị, ông bà ngoại còn trẻ sẽ hỗ trợ cho việc chăm sóc các cháu ăn học. Do vậy xét thấy: Các cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 10/01/2020 (hơn 4 tuổi) và cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 06/3/2022 (hơn 2 tuổi) còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên cần thiết giao cho chị Phùng Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cho anh Nguyễn Ngọc Q1 tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày: 26/4/2016 là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phùng Thị Q2 và anh Nguyễn Ngọc Q1 không yêu cầu do vậy không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị Phùng Thị Q2 và anh Nguyễn Ngọc Q1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phùng Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Phùng Thị Q** được ly hôn anh **Nguyễn Ngọc Q1**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Phùng Thị Q** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Kim N**, sinh ngày 10/01/2020 và cháu **Nguyễn Đức K**, sinh ngày 06/3/2022. Giao cho anh **Nguyễn Ngọc Q1** tiếp tục trực tiếp nuôi cháu **Nguyễn Thành C**, sinh ngày: 26/4/2016.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị **Phùng Thị Q** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003177 ngày 15/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. (Xác nhận chị **Q** đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Việt Yên;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND phường Vân Trung;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn T – Nguyễn Thị lại

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Việt Yên;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND phường Vân Trung;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn T – Nguyễn Thị lại

Vũ Tân T1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- VKSND tỉnh Bắc Giang;

- TAND huyện Việt Yên;

- VKSND huyện Việt Yên;

- Chi cục THADS huyện Việt Yên;

- UBND xã Trung Sơn;

Những người tham gia tố tụng;

- Lưu HS, Vp.

Vũ Tân Thịnh